

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

“Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Tiến Trung.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Minh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên họp: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-VDS, ngày 12/11/2024 về việc *“Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật”* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2025/QĐ-TA ngày 06/02/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1950; Nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Ngọc Q, sinh năm 1973; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1977; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
- Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980; Quê quán: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện thường trú tại: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
- Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1988; Hiện trú tại: Xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng:

- Chị Đào Thị V, sinh năm 1985;
- Bà Đào Thị C, sinh năm 1958;
- Bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1955.

Điều thường trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên nay là thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên họp: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, nội dung bản tự khai, lời khai của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Bùi Ngọc D, cùng các tài liệu người yêu cầu cung cấp thể hiện:

Ông là chồng bà Đào Thị V2, sinh năm 1952, điều thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng ông sinh được 05 người con gồm:

1. Anh Bùi Ngọc Q, sinh năm 1971; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
2. Anh Bùi Văn N, sinh năm 1977; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
3. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980; Hiện ở: Xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;
4. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; Hiện trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
5. Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1988; Hiện trú tại: Xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Ngoài ra vợ chồng ông không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác.

Do bà Đào Thị V2 mắc bệnh về tâm thần kinh từ nhiều năm nay (bà V2 mắc bệnh từ năm 1989 sau khi sinh cháu N1), triệu chứng ban đầu là giảm trí nhớ, tự kỷ, trầm cảm sau sinh, không nhớ rõ việc mình làm, nói lảm nhảm một mình. Gia đình ông có đưa đi khám tại Bệnh viện T tại huyện K, tỉnh Hưng Yên, lấy thuốc để điều trị nhưng từ đó đến nay bệnh tình ngày càng nặng, không cải thiện. Từ đó đến nay bà V2 có nhiều biểu hiện bất thường, nhận thức kém, mất khả năng trí nhớ, mặc dù vẫn tự đi lại, sinh hoạt cá nhân hàng ngày nhưng làm việc vô thức không có chủ đích, nói lảm nhảm, thường xuyên mất ngủ, viết lách lung tung suốt đêm. Hiện nay bà V2 thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội tại địa phương xã Đ. Do hiện nay gia đình ông cần làm một số thủ tục, giao dịch pháp lý liên quan đến bà V2 nên ông làm đơn gửi tới đề nghị Tòa án giải quyết để yêu cầu “*Tuyên bố đối với bà Đào Thị V2 mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, sao cho phù hợp với kết luận của cơ quan chuyên môn theo mức độ, tình trạng bệnh của bà V2 hiện*

nay và theo quy định của pháp luật”. Đồng thời ông nhận là người đại diện, giám hộ cho bà V2 tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định. Hiện điều kiện sức khỏe của ông đảm bảo minh mẫn, khỏe mạnh bình thường. Trong gia đình ông ngoài bà V2 mắc bệnh về tâm thần kinh ra, các con cháu, bố mẹ, anh chị em đều khỏe mạnh bình thường, không ai mắc hay có dấu hiệu mắc bệnh liên quan đến tâm thần kinh.

Sau khi thu thập các tài liệu liên quan Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 55/2024/QĐ-TA ngày 05/12/2024 và chuyển toàn bộ tài liệu liên quan kèm theo tới V3 để thực hiện việc giám định theo quy định. Ngày 09/01/2025 V3 đã về tiếp xúc, thăm khám trực tiếp đối với đối tượng cần giám định (bà Đào Thị V2) tại thôn1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/01/2025 V3 đã có Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 21/KLGĐ, kết luận: *“Tại thời điểm giám định đối tượng Đào Thị V2 bị bệnh Mất trí trong bệnh Alzheimer, mất trí nhớ mức độ nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F00. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”*.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc là anh Bùi Ngọc Q, anh Bùi Văn N, chị Bùi Thị L, anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N1 đều có lời khai, quan điểm trình bày về các nội dung liên quan, đồng thời Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng là chị Đào Thị V, bà Đào Thị C và bà Hoàng Thị V1; Xác minh tại cơ sở thôn A và chính quyền địa phương xã Đ; Trạm Y tế xã Đ; Tài liệu Bệnh viện T cung cấp cho thấy: Nội dung đều thống nhất như ông Bùi Ngọc D đã trình bày. Đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm đề nghị chỉ định ông Bùi Ngọc D là người giám hộ cho bà V2.

Tại phiên họp hôm nay:

- Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng người làm chứng đều vắng mặt, nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên họp phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp.

2. Về việc giải quyết vụ việc đề nghị Tòa án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều

377, Điều 378, Điều 149 của BLTTDS; Điều 23, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 59 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc D.

Tuyên bố bà Đào Thị V2, sinh năm 1952; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn A xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Chỉ định ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1950; Nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn A xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên) là người giám hộ của bà Đào Thị V2 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự và thực hiện quyền quản lý tài sản của người được giám hộ theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật dân sự.

Ông Bùi Ngọc D được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Đào Thị V2, sinh năm 1952; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn A xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên) là người bị yêu cầu “Mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

[2] *Về người có quyền yêu cầu và người tham gia phiên họp:* Ông Bùi Ngọc D là chồng của bà V2; Anh Bùi Ngọc Q, anh Bùi Văn N, chị Bùi Thị L, anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N1 đều là con ruột của bà V2. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 376 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông D, anh Q, anh N, chị L, anh H và chị N1 đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời ông D có quyền yêu cầu tuyên bố đối với bà V2 bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Tại phiên họp người yêu cầu giải quyết việc dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên họp nhưng đều đã có đơn, quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét nội dung yêu cầu của đương sự:*

- Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Bùi Ngọc D nhận thấy: Trên cơ sở Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số: 21/KLGĐ,

ngày 24/01/2025 của V3 kết luận: “*Tại thời điểm giám định đối tượng Đào Thị V2 bị bệnh Mất trí trong bệnh Alzheimer, mất trí nhớ mức độ nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F00. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*”.

Từ các tài liệu, chứng cứ người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp, Tòa án xác minh, thu thập cho thấy yêu cầu của ông Bùi Ngọc D phù hợp với kết luận giám định nêu trên và phù hợp với tình trạng thực tế hiện nay của bà Đào Thị V2. Đồng thời phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên họp. Đối chiếu phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc D. Tuyên bố bà Đào Thị V2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Về chỉ định người giám hộ: Trên cơ sở lời khai, quan điểm của người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tài liệu Tòa án xác minh, thu thập xác định ông Bùi Ngọc D hiện đủ điều kiện là người giám hộ, đại diện hợp pháp cho bà Đào Thị V2. Do vậy, Tòa án có đủ căn cứ chỉ định ông Bùi Ngọc D là người giám hộ của bà Đào Thị V2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 54, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự; Ông Bùi Ngọc D thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật dân sự và thực hiện quyền quản lý tài sản của người được giám hộ theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật dân sự.

[4] *Về chi phí giám định*: Người yêu cầu xin tự chịu trách nhiệm chi trả, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: Ông Bùi Ngọc D là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí nên được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 377 và Điều 378 của BLTTDS; Điều 23, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 59 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc D.

Tuyên bố bà Đào Thị V2, sinh năm 1952; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn A xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Chỉ định ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1950; Nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên) là người giám hộ của bà Đào Thị V2 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật dân sự và thực hiện quyền quản lý tài sản của người được giám hộ theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Ngọc D được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí, miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Trung